

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- PHÚ THỌ**

Bản án số: 38/2025/DS-ST

Ngày 25-9-2025

“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên và ông Nguyễn Trung Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên toà: Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Linh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị Hồng N, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị Linh T trình bày:

Chị có quan hệ quen biết với chị Vũ Thị Hồng N do chị em làm cùng nhau ở Ủy ban nhân dân thị trấn H cũ. Ngày 09/02/2015 chị N có vay của chị số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền đồng thời thỏa thuận đến ngày 09/6/2015 chị N sẽ trả cho chị số tiền trên, tuy nhiên đến hạn trả thì hai bên lại thỏa thuận là chị N tiếp tục vay và trả lãi cho chị. Quá trình vay nợ chị N có trả cho chị tiền lãi và đến ngày 25/01/2018 chị N có trả cho chị 10.000.000 đồng tiền gốc, chị N tiếp tục trả lãi cho chị đến hết ngày

15/01/2019 sau đó không trả lãi nữa và cũng không trả cho chị được số tiền gốc nào. Nhiều lần chị yêu cầu chị N phải trả cho chị số tiền gốc còn lại 40.000.000 đồng nhưng chị N không trả. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả cho chị số tiền gốc 40.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 09/02/2015, chị không yêu cầu chị N phải trả tiền lãi.

Bị đơn chị Vũ Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2025 chị N trình bày: Chị N có quan hệ chị em với chị Hà Thị Linh T. Năm 2015 do cần tiền làm ăn nên chị có vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 09/6/2015. Trong quá trình vay nợ ngày 25/01/2018 chị có trả 10.000.000 đồng tiền gốc và thực hiện việc trả lãi đầy đến ngày 15/01/2019, sau đó do làm ăn gặp nhiều khó khăn và dịch covid nên chị không trả được gốc và lãi cho chị T được nữa. Nay do chị không có việc làm, thu nhập, không thể vay mượn được ai để trả cho chị T, chị đề nghị chị T cộng toàn bộ số tiền lãi mà chị đã trả thành trả tiền gốc, sau đó trừ đi số tiền còn lại chỉ sẽ trả chị T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 274, 275, 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Linh T. Buộc chị Vũ Thị Hồng N phải trả cho chị Hà Thị Linh T số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 22/4/2025 chị Hà Thị Linh T khởi kiện chị Vũ Thị Hồng N, trú tại TDP H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn H, xã L, tỉnh Phú Thọ) Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11) đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật

“tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án qua xem xét việc trình bày và yêu cầu đề nghị của nguyên đơn hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị N phát sinh quyền và nghĩa vụ kể từ ngày 15/02/2019, tuy nhiên đến ngày 22/4/2025 chị T mới khởi kiện chị N, nên thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tài sản đã hết, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “kiện đòi tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại thôn H, xã L, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 **Luật số 85/2025/QH15** sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp và người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án chị N đã được Tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa chị N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung khởi kiện: Nguyên đơn chị Hà Thị Linh T khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Vũ Thị Hồng N phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng. Bị đơn cũng xác nhận có nợ chị T số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị N đề nghị cộng toàn bộ số tiền lãi mà chị đã trả cho chị T chuyển thành trả tiền gốc, sau khi trừ vào tiền gốc số tiền còn lại chị N sẽ trả, tuy nhiên chị T không đồng ý.

[4] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, có đủ cơ sở khẳng định ngày 09/02/2015 chị N và chị T đã thỏa thuận vay tiền theo giấy biên nhận vay tiền. Quá trình vay nợ chị N đã trả được cho chị T 10.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 25/01/2018 và đã trả tiền lãi đến hết ngày 15/01/2019 được thể hiện tại mặt sau của giấy biên nhận vay tiền, từ đó chị N không trả thêm được khoản tiền nào, chị T nhiều lần yêu cầu chị N trả tiền nhưng chị N không trả. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là $40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 274, 275, 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Linh T.

Buộc chị Vũ Thị Hồng N phải trả cho chị Hà Thị Linh T số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Hồng N phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Hà Thị Linh T số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) đã nộp theo biên lai số 0007636 ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11).

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

